

NHỮNG BIẾN ĐỔI CỦA GIAI CẤP NÔNG DÂN VÀ QUAN HỆ ĐỊA CHỦ- TÁ ĐIỀN Ở NAM BỘ THỜI KỲ CẬN ĐẠI

PGS.TS Lâm Quang Huyền

Viện KHXH vùng Nam Bộ

Mở đầu

Nam Bộ gồm Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ (Đồng bằng sông Cửu Long) với diện tích tự nhiên 85.000 km² (Đông Nam Bộ 45.000 km², Tây Nam Bộ 40.000 km²).

**Đông Nam Bộ:* Được coi là vùng có động lực tăng trưởng lớn nhất của cả nước, có nhiều tiềm năng về kinh tế và xã hội thuận lợi cho phát triển. Ngày 10-01-1999, tại Hội nghị triển khai kế hoạch Nhà nước năm 1999. Thủ tướng Phan Văn Khải đã nhấn mạnh: mỗi bước phát triển của Đông Nam Bộ có tác động mạnh mẽ tới cả nước. Miền Đông là đầu tàu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH-HĐH). Theo Thủ tướng, vùng đất Nam Bộ có mấy cái nhất:

- *Trung tâm kinh tế lớn nhất:* sản lượng công nghiệp chiếm 52%, xuất khẩu chiếm 57,2%.

- *Có nguồn thu lớn nhất:* tổng thu 42.000 tỷ đồng bằng 53% cả nước, nhu cầu ngân sách cả nước chủ yếu điều tiết từ khu vực này (35.000 tỷ đồng).

- *Cơ sở hạ tầng tốt nhất*

- *Cơ cấu kinh tế đi trước cả nước ít nhất 10 năm:* tỷ trọng công nghiệp bình quân cả nước 20%, trong khi miền Đông chiếm đến 80%.

- *Vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn nhất cả nước:* Đông Nam Bộ có diện tích cây công nghiệp lâu năm (cao su, tiêu, cà phê...) và cây hằng năm (bông, mía...) chiếm đến 400.000 ha (32% tổng quỹ đất trồng cây công nghiệp của cả nước).

** Đồng bằng sông Cửu Long:* là vùng nông nghiệp trọng điểm của cả nước, có tiềm năng to lớn về nông nghiệp chủ yếu là sản xuất lương thực, đóng góp hơn 50% sản lượng lương thực và phần lớn lương thực xuất khẩu của cả nước. Đồng bằng sông Cửu Long là châu thổ lớn nhất Việt Nam và cũng là 1 trong 10 đồng bằng lớn nhất của khu vực Đông Nam Á.

Những thế mạnh của Đồng bằng sông Cửu Long: 1 là *cây lúa nước*, 2 là *thủy hải sản*, 3 là *cây ăn trái*, 4 là *gia súc gia cầm* và 5 là *rau màu xuất khẩu*.

1. Quan hệ ruộng đất thời phong kiến

Sau hơn 1000 năm Bắc thuộc, đến thời kỳ có Nhà nước phong kiến tập quyền (thế kỷ 10-11 đời Tiền Lê, Lý), đất nước ta vượt Đèo Ngang vươn vào phía nam với dân số khoảng 3 triệu người. *Chế độ sở hữu ruộng đất dần dần hình thành có quy củ theo luật định ngày càng nghiêm cùng với thiết chế làng xã ngày càng hoàn chỉnh.*

Theo lịch sử, chính vua Lê Đại Hành (980 - 1005) là vị vua đầu tiên tổ chức *lễ tịch điền*, hô hào khai phá đất hoang, đào kênh mương làm thủy lợi, mở mang giao thông, cổ súy thâm canh nông nghiệp, quý trọng đất đai.

Có thể quy gọn chế độ sở hữu ruộng đất từ thời phong kiến tập quyền đến trước Cách mạng Tháng Tám 1945 (khoảng 1000 năm) theo *ba hình thức*:

- Chế độ ruộng đất công của Nhà nước.

- Chế độ ruộng đất công làng xã.

- Chế độ ruộng đất tư

- *Ruộng đất công của Nhà nước phong kiến*: có nhiều loại từ nhiều nguồn sung công, nhưng chung quy là các vùng đất hoặc những nơi đất tạo nên “quốc khố” tức ngân sách nhà nước và thuộc Nhà vua chỉ dùng vào các việc công như ban thưởng, lễ hội, xây dựng công trình, dân sinh xã hội, quốc phòng an ninh...

- *Chế độ ruộng đất công làng xã*: xuất hiện rất sớm, tuy cũng thuộc sở hữu Nhà nước nhưng do làng xã quản lý sử dụng. Nhà nước giao đất công cho làng xã quản lý, phân bổ nộp thuế. Từ năm 1837, chế độ công điền công thổ được áp đặt vào Nam Kỳ.

- *Chế độ ruộng đất tư*: gồm sở hữu lớn của địa chủ, sở hữu vừa của địa chủ nhỏ và phú nông, sở hữu nhỏ của nông dân. Sang thế kỷ 18, sự chiếm đoạt và tập trung ruộng đất của địa chủ trở thành hiện tượng phổ biến và ngày càng nghiêm trọng, đặc biệt là ở Nam Kỳ.

Từ khi thực dân Pháp xâm lược nước ta (giữa thế kỷ 19), trong quan hệ ruộng đất có thêm “người chủ mới” tham gia chiếm đoạt và có chính sách thực dân hóa, tư bản hóa, khai thác sử dụng đất đai trên nền sở hữu phong kiến về ruộng đất.

Trong số một triệu héc-ta thực dân Pháp chiếm đoạt của nhân dân ta, ngót 1/3 là ruộng lúa (chủ yếu ở Đồng bằng sông Cửu Long) còn lại là các đồn điền trồng cây công nghiệp.

2. Tình trạng bóc lột nông dân của địa chủ phong kiến và thực dân

Địa chủ Việt Nam không tham gia lao động mà sống và làm giàu dựa vào bóc lột nông dân dưới các hình thức *địa tô, nợ lãi và thuê mướn nhân công*. Địa tô là hình thức bóc lột đặc trưng của chế độ phong kiến, còn nợ lãi cũng là hình thức bóc lột rất phổ biến.

- Hình thức *địa tô* phổ biến nhất là hiện vật. Một số ít địa chủ thu *tô* bằng tiền. Ngoài *địa tô* chính, nông dân còn phải nộp *địa tô phụ* cho địa chủ, dưới hình thức lễ lạt, biếu xén, dịch vụ không được trả công những ngày lễ, Tết, giỗ chạp của nhà địa chủ.

- *Nợ lãi*: địa chủ cho nông dân vay bằng thóc hay bằng tiền, mua lúa non cũng là hình thức cho vay lãi cắt cổ khá phổ biến của địa chủ. Còn vay tiền, tỷ lệ lãi thường một vốn một lãi (100%) nếu đáo hạn không trả được phải gán đất gán nhà.

- *Bóc lột nhân công*: là hình thức bóc lột khá phổ biến của loại địa chủ nhỏ và một số địa chủ vừa. Bóc lột nhân công có mấy kiểu: công năm, công tháng, công mùa và công ngày. Những người đi ở năm cho địa chủ thường là những lực điền có khả năng lao động tốt. Địa chủ còn mướn cả đàn bà hay trẻ con ở năm để bảo đảm những việc như chôn trâu, cắt cỏ, tát nước, gánh phân... quan hệ giữa cố nông và địa chủ không chỉ là quan hệ giữa người mua và người bán sức lao động mà trong nhiều trường hợp còn quan hệ lệ thuộc giữa chủ nợ và con nợ, giữa tá điền với chủ đất.

Mức *tô* dưới thời phong kiến và thực dân rất cao và cực kỳ nặng nề đối với nông dân, thường chiếm trên 1/2 thu hoạch. Biểu *tô* thuế áp dụng ở Nam Kỳ nặng nề đến mức bán cùng hóa nông dân, cưỡng bức tập trung ruộng đất, hình thành nhanh chóng giai cấp địa chủ lớn.

Địa tô thường chiếm ít nhất một nửa giá trị hoa lợi thu hoạch phải nộp cho địa chủ, còn tá điền hưởng phần còn lại nhưng phải chịu mọi chi phí sản xuất, chưa kể những khoản *tô* phụ và đóng góp khác cho địa chủ.

Chế độ bóc lột phong kiến nặng nề không cho phép nông dân có tích lũy để đầu tư mở rộng sản xuất vì ngay việc tái sản xuất giản đơn sức lao động của bản thân và nuôi sống gia đình cũng không có đủ. Còn bọn địa chủ và thực dân bóc lột và ăn bám trên lưng nông dân lại không quan tâm đầu tư phát triển sản xuất nên ruộng đất ngày càng bạc màu, năng suất cây trồng dậm chân tại chỗ (1 ha lúa chỉ đạt 1,2 tấn/năm – trước CMT8 năm 1945).

Theo phúc trình của Nha tín dụng nông nghiệp chính quyền Sài Gòn năm 1959 thì trước năm 1939, tình hình phân phối ruộng đất tại Đồng bằng sông Cửu Long như sau:

Tình hình sở hữu ruộng đất tại Miền Tây Nam Bộ trước năm 1939.

Mức sở hữu	Số người sở hữu (người)	Diện tích sở hữu (ha)
0-1ha	85.933	42.986
1-5ha	97.060	194.120
5-10 ha	37.616	263.312
10-50 ha	28.141	562.820
50-100 ha	3.613	253.910

100-500 ha	2.449	489.800
Trên 500 ha	244	244.000

Nguồn: Phúc trình của Giám đốc Tin dụng nông nghiệp ngày: 9/10/1959

Như vậy, những địa chủ sở hữu trên 100 ha ở miền Tây Nam Bộ đã chiếm tới 733.800 ha, trong đó có 430 chủ đồn điền Pháp chiếm 245.000 ha. Còn 71,7% dân số nông nghiệp chỉ chiếm 12,5% diện tích canh tác, hầu hết là các mảnh ruộng dưới 5 ha, cứ 3 gia đình nông dân thì 2 gia đình không có ruộng. Mức địa tô phổ biến là 50%.

Một nhà nghiên cứu Pháp, Yves Henry, trong cuốn *Kinh tế nông nghiệp Đông Dương* (1930) đã tính toán mức thu nhập của địa chủ và của tá điền như sau:

- *Phần điền chủ* (loại trung bình có 20 ha)

Giá trị điền sản	400 đ/mẫu x 20	8.000 đ
Tô	40 gia/ha hợp tác xã 20 x 1đ/1 gia	800 đ
Trừ thuế điền thổ	2,4 đ/ha hợp tác xã 20	48 đ
<u>Còn lại:</u>		<u>752 đ</u>

- *Phần điền tá:* (lĩnh canh 5 ha)

Thu hoạch	5mẫu x 80 gia/ mẫu	8.000 đ
Trừ bớt:tô	200 gia	200 đ
Chi phí sản xuất	2,4 đ/ha hợp tác xã 20	130 đ
Còn lại:		70 đ
Tiền ăn (hay 11 gia/người mỗi năm		50
<u>Còn lại chi tiêu</u>		<u>20 đ</u>

Ghi chú: đ là đồng Đông Dương, đơn vị tiền tệ.

- *Sự bóc lột của địa chủ thực dân Pháp:*

Trong số một triệu héc-ta thực dân Pháp chiếm đoạt của nhân dân ta, như trên đã nêu, ngót 1/3 là ruộng lúa. Khái thác loại ruộng này bọn thực dân chủ yếu áp dụng phương thức bóc lột phong kiến *phát canh thu tô*. Chúng thường dùng bọn quản lý quá điền người Việt Nam để dễ bóc lột nông dân. Ngoài địa tô chính dưới hình thức hiện vật, nông dân tá điền còn phải thông qua bọn quản lý để lễ lạt “quan chủ đồn điền” trong những dịp Thiên chúa giáng sinh, Tết tây, rượu tây do bọn quản lý bỏ cho nông dân tá điền đóng góp để mua...

Trong các đồn điền trồng cây công nghiệp, chủ yếu là cao su, cà phê và chè, bọn thực dân áp dụng một phương thức kinh doanh khác; chúng trực tiếp quản lý và thuê mướn công nhân nông nghiệp. Vì các đồn điền này nằm tại những vùng mới khai phá ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ đất rộng người thưa nên chúng phải “mộ phu” từ Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ vào.

Bọn thực dân tổ chức những cơ quan mộ phu được bọn cai trị hành chính giúp đỡ bằng mọi cách. Gọi là mộ phu nhưng thực tế việc đó diễn ra gần như là mua bán nô lệ, còn bọn mộ phu đúng là bọn buôn người. Trong những năm 1927-1928 cứ mộ được một người phu giao cho bọn chủ điền thì chúng lãi được 15 đồng tương đương hai tạ gạo. Tính đến cuối năm 1929 số công nhân công nghiệp ở nước ta lên tới 8 vạn người.

Tiền công của công nhân đồn điền cao su rất rẻ mạt. Lương một ngày chỉ từ 0,3 - 0,4 đồng lại bị bọn cai ký bớt xén nên chỉ còn 0,2 đồng. Ngày lao động kéo dài tới 14 - 16 giờ.

Khí hậu độc, mức sinh hoạt thấp cộng thêm sự hành hạ đánh đập của bọn cai bọn chủ đã làm nhiều công nhân phải bỏ xác ở tại đồn điền trước khi hết hạn giao kèo. Tình trạng ấy đã được phản ánh trong câu ca dao của dân ta thời đó “cao su đi dễ khó về”. Năm 1927, theo tài liệu điều tra của chính quyền thực dân ở một số đồn điền cao su, tính trung bình cứ 1000 công nhân thì có tới 474 người chết. Trong đó, hơn 4 vạn công nhân người Bắc Kỳ và Trung Kỳ ở các đồn điền cao su thì tỷ lệ chết có nơi lên tới 26%, có nơi 40-50%.

Về thực chất, người công nhân công nghiệp trong các đồn điền của thực dân Pháp trước Cách mạng tháng Tám 1945 không phải là người công nhân tự do. Mọi quan hệ giữa họ và kẻ mua sức lao động mang tính chất chiếm hữu nô lệ hơn là tính chất tư bản chủ nghĩa.

Nên Tố Hữu có thơ rằng:

Anh chạy vào đất đỏ làm phu

Bán thân đổi mấy đồng xu

Thịt xương vùi gốc cao su mấy tầng!

3. Những biến đổi của giai cấp nông dân và giai cấp địa chủ Nam Bộ thời kỳ cận đại

3.1. Những biến đổi của giai cấp nông dân

Nông dân gồm các tầng lớp: cô nông, bần nông, trung nông và phú nông. Phú nông có bóc lột nhân công và nợ lãi nhưng tham gia lao động sản xuất là chủ yếu nên vẫn thuộc giai cấp nông dân.

- *Cô nông*: (vô sản nông thôn): là lớp người không có ruộng đất hoặc có ruộng đất nhưng không đáng kể (20,6% dân số nông thôn với chỉ có 1,2% ruộng đất), cô nông làm tá điền cho địa chủ hoặc làm thuê cho địa chủ phú nông.

- *Bần nông*: là lớp người có ít ruộng đất, đây là ruộng đất phần lớn của trung nông bị phá sản và cũng là phần ruộng đất dễ bị địa chủ tước đoạt nhất. Bần nông cũng phải làm tá điền cho địa chủ hoặc làm thuê cho địa chủ phú nông như cô nông.

Trung nông: chiếm 32,9% dân số nông thôn và 39,4% ruộng đất. Trung nông là tầng lớp nông dân có đủ ruộng đất cày cấy. Trong điều kiện bình thường với số ruộng đất có trong tay, họ có thể duy trì đời sống của mình ở mức trung bình, nhưng gặp mất mùa nặng thì đời sống của họ cũng rất khó khăn. Ruộng đất của họ cũng là miếng mồi ngon cho địa chủ, vì khi gặp rủi ro trong đời sống, do thiên tai nặng, hoặc do bị đế quốc phong kiến chèn ép áp bức bóc lột phải bán bớt ruộng đất rồi rơi xuống hàng ngũ cố nông. Tuy nhiên, cá biệt có một số bần nông làm ăn khá tiến lên trung nông, hoặc một số địa chủ nhỏ, phú nông bị phá sản trở thành trung nông.

- *Phú nông*: trong nông dân là số người có nhiều ruộng đất hơn cả. Với 2,2% dân số nông thôn, họ có 7,1% ruộng đất. Bình quân sở hữu ruộng đất của một nhân khẩu phú nông gấp 3 lần một nhân khẩu trung nông, gấp 9 lần một nhân khẩu bần nông... ruộng đất của họ thường là ruộng đất, ruộng gàn. Phú nông không bị bóc lột mà có tham gia bóc lột nhân công, nợ lãi nhưng họ tham gia lao động sản xuất là chủ yếu.

Trước Cách mạng tháng Tám 1945, nông dân chiếm 95% dân số Việt Nam nhưng làm chủ không quá 30% diện tích ruộng đất. Riêng tầng lớp bần cố nông không có và thiếu ruộng đất chiếm 60% dân số nông thôn nhưng chỉ có khoảng 10% ruộng đất. Còn giai cấp địa chủ phong kiến Việt Nam, địa chủ thực dân Pháp, địa chủ Nhà chung (Công giáo) và số hào lý chiếm không tới 5% dân số nhưng chiếm hữu và lũng đoạn 70% ruộng đất để bóc lột nông dân qua địa tô, nợ lãi và các khoản tô phụ, dịch vụ khác.

Tình trạng chiếm hữu ruộng đất bất công do địa chủ phong kiến Việt Nam và thực dân Pháp đã gây ra nhiều vụ đấu tranh đẫm máu ở Nam Bộ trong có *Vụ án đồng Nọc Nạn*, một cánh đồng thuộc xã Phong Thạnh, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu. Đây là một cuộc đấu tranh tự phát của nông dân để bảo vệ ruộng đất do họ khai phá xảy ra vào ngày 28 tháng 1 năm 1928.

Anh em trong gia đình bác nông dân Mười Chức, con ông Tám Luông, đã kiên quyết chống lại bọn địa chủ câu kết với chính quyền địa phương nhằm cướp đoạt mấy chục mẫu đất do gia đình bác đã khai phá.

Cuộc xung đột đẫm máu đã xảy ra tại cánh đồng *Nọc Nạn*, giữa mấy anh em gia đình Mười Chức với bọn cò Tây và lính Mã Tà. Kết quả gia đình bác Mười Chức hy sinh 4 người, phía bên kia chết 1 cò Tây và một số lính bị thương. Sự việc đã làm xôn xao dư luận Sài Gòn, các tỉnh Nam Kỳ và làm cho bọn âm mưu cướp đất của nông dân phải chùn tay.

- *Thực hiện chính sách ruộng đất từ sau Cách mạng tháng Tám 1945.*

Cương lĩnh ruộng đất của Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời từ năm 1930, nhưng phải sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, chính quyền cách mạng được thành lập mới có điều kiện triển khai.

Sau Cách mạng tháng Tám, việc làm được nhiều nhất và triệt để hơn cả là tịch thu ruộng đất của thực dân Pháp và địa chủ Việt gian đem chia cấp cho nông dân.

Ở Nam Bộ, hầu hết số địa chủ lớn đã chạy vào vùng địch chiếm. Tính đến năm 1954, số ruộng đất của thực dân Pháp và địa chủ Việt gian, ruộng đất vắng chủ đã được chia cấp và tạm cấp cho nông dân là 564.547 ha cho 527.163 nhân khẩu.

Phong trào đấu tranh đòi giảm tô đã lan ra nhanh chóng vùng đồng bằng Nam Bộ, nơi mà cuộc đấu tranh giai cấp giữa nông dân và địa chủ từ lâu đã mang hình thái gay gắt. Việc thi hành chủ trương giảm tô đạt kết quả, ở Đông Nam Bộ, mức tô giảm được 20%, Trung Nam Bộ giảm 40-50%, Tây Nam Bộ giảm 25-50%.

Ở các địa phương được tạm cấp ruộng đất và thực hiện giảm tô, đời sống nông dân được cải thiện rõ rệt, nhiều bản cổ nông đã vươn lên mức sống trung nông.

Chính quyền cách mạng thực hiện từng bước chính sách ruộng đất đi đôi với chủ trương khuyến khích nông dân khai hoang phục hóa, làm thủy lợi, thực hiện các chế độ khuyến nông, giảm lãi suất vay, xoá nợ, hoãn nợ cho nông dân, bãi bỏ các thứ thuế bất công như thuế thân, thực hiện đóng góp công bằng. Các chủ trương chính sách nêu trên, cùng với chính sách ruộng đất đã cải thiện đáng kể đời sống nông dân, tăng cường khối liên minh công nông, tạo nguồn động lực mạnh mẽ cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước sau này.

Những thành quả về ruộng đất nêu trên mà nông dân Nam Bộ cũng như nông dân cả nước đã giành được từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 tuy mới là kết quả bước đầu nhưng có ý nghĩa kinh tế và chính trị sâu sắc, vì đây là lần đầu tiên, sau hàng ngàn năm bị địa chủ phong kiến và gần trăm năm bị thực dân áp bức bóc lột, *đông đảo nông dân nghèo đã làm chủ được hơn một nửa diện tích ruộng đất, đồng thời làm chủ nông thôn.*

Để hình dung được sự biến đổi của nông dân lao động do ảnh hưởng của chính sách ruộng đất của Đảng Cộng sản Việt Nam từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, có thể tham khảo kết quả điều tra nông thôn do Ban Nông vận Trung ương Cục tiến hành ở một số xã giải phóng ở Tây Nam Bộ năm 1969.

- Trước Cách mạng tháng Tám 1945, nông dân 4 xã này chiếm 96,8% tổng số hộ ở địa phương nhưng chỉ có 2.566,5 ha tức 13,5% ruộng đất địa phương, thì đến 1969, số hộ nông dân chiếm 97,7% và đã có 16.339,8 ha tức là 95,7% *ruộng đất ở địa phương.*

- Ở Đông Nam Bộ, tại hai huyện Bến Cát và Châu Thành tỉnh Thủ Dầu Một, nông dân đã làm chủ được 3.218,8 ha tức 90% *diện tích ruộng đất ở địa phương.*

- Tại các xã giải phóng ở Tây Nam Bộ nêu trên: Trước Cách mạng Tháng Tám 1945, cổ nông có 583 hộ chiếm 8,2% số hộ trong 4 xã, bản nông 4.394 hộ (64%) và trung nông 1.686 hộ (24,5%). Đến 1969, *không còn hộ cổ nông, hộ bản nông giảm còn 1.102 hộ (16,3%), trung nông tăng lên 5.494 hộ (81,3%), trong đó trung nông mới từ cổ nông và bản nông chuyển lên là 3.854 hộ (57%).* Nếu so với tổng số trung nông ở 4 xã thì *trung nông mới chiếm đến 70%* (còn 30% là trung nông cũ).

- Về mức sống của trung nông ở 4 xã giải phóng vùng Tây Nam Bộ:

- Số hộ dư ăn chiếm 28,1%
- Số hộ đủ ăn 58,2%
- Số hộ thiếu ăn 13,7%.

Như trên đã nêu, do thực hiện chính sách ruộng đất, trong nông thôn Nam Bộ, *trung nông đã trở thành lực lượng đông đảo nhất ở nông thôn và tầng lớp trung nông mới từ cố nông và bản nông chuyển lên chiếm số đông trong trung nông.*

3.2. Quá trình suy sụp của giai cấp địa chủ

Trước Cách mạng tháng Tám 1945, trong nông thôn nước ta, chính quyền và phần lớn ruộng đất do giai cấp địa chủ nắm giữ để bóc lột nông dân lao động.

Sau Cách mạng tháng Tám, chế độ chiếm hữu ruộng đất và bóc lột phong kiến bị thu hẹp dần. Ruộng đất của địa chủ Việt gian bị tịch thu cùng với ruộng đất của thực dân đem chia cho nông dân nghèo. Ruộng đất của địa chủ vắng mặt đem tạm cấp, ruộng đất của địa chủ thường phải giảm tô. Thế lực kinh tế và uy thế chính trị của giai cấp địa chủ bắt đầu suy yếu.

Kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, nông dân miền Nam đã làm chủ được một nửa diện tích canh tác, số địa chủ lớn hầu hết đã bỏ chạy vào vùng địch, một số làm tay sai cho thực dân Pháp trong vùng giải phóng.

“Những hoạt động của Việt Cộng kết hợp với việc truất hữu ruộng đất của chính phủ Việt Nam Cộng Hoà đã làm cho vùng nông thôn Việt Nam nhất là đồng bằng sông Cửu Long không còn đại địa chủ nữa. Kết quả là ở Nam Bộ đã có sự thay đổi sâu sắc trong quan hệ cũ giữa địa chủ và tá điền, quan hệ cũ này chắc không bao giờ phục hồi được nữa”.

Trong số 187 địa chủ chạy vào Sài Gòn và Long Xuyên mà nhóm SRI đã phỏng vấn thì 15% còn thu tô đều, 25% thu được một phần tô và 60% không thu được tô hoặc ít khi thu được. Trong số địa chủ nêu trên:

- 29% bỏ vốn vào các cơ sở thương mại.
- 15% đầu tư vào các bất động sản đô thị.
- 6% có lợi tức về đầu tư công nghiệp.
- 14% làm các nghề chuyên nghiệp.
- 13% làm công chức (tại chức hay về hưu)
- 21% sống nhờ con cái, trong đó một số còn thu tô trên số 15 ha họ còn giữ lại (số này không ai giàu có, một số ít sống thiếu thốn).

Như vậy 50% địa chủ được nhóm SRI phỏng vấn đã chuyển sang kinh doanh công thương nghiệp, 27% làm công chức và nghề chuyên môn. Phần đông con cái của địa chủ

được phỏng vấn không có ruộng đất gì ngoài mấy miếng thổ cư và có khuynh hướng đi vào các ngành hành chính, quân sự, kinh doanh, y tế, sư phạm, luật.

Sự phân hóa và suy sụp của giai cấp địa chủ là xu thế tất yếu trong quá trình phát triển của cách mạng nước ta.

Một sự kiện đáng chú ý là *Hồ Chủ Tịch đã biểu dương một số điền chủ hăng hái hiến đất, hiến ruộng cho kháng chiến như:*

- *Ở miền Bắc:* ông bà Đỗ Đình Thiện hiến hơn 2.000 mẫu, ông bà Đỗ Thúc Phách hiến 600 mẫu.

- *Ở miền Nam:* 300 điền chủ đã hiến 24.500 mẫu trong số đó miền Tây nhiều nhất. Theo báo cáo thì số ruộng đất hiến cộng lại đã đến 4 vạn mẫu. Một điều đáng quý là các điền chủ Hoa Kiều cũng hiến ruộng để tỏ lòng ủng hộ kháng chiến và tỏ tình đoàn kết giữa hai dân tộc anh em Việt Hoa. Phong trào hiến ruộng ở Nam Bộ do ông Huỳnh Thiện Lộc (cựu Bộ trưởng Bộ Canh Nông) xung phong hiến trước nhất.

Phần kết

Xin nêu những nội dung chủ yếu của tham luận như sau:

1- Cần khẳng định vị trí vai trò của Nam Bộ trước đây cũng như hiện nay đối với sự phát triển chung của cả nước.

2- Quan hệ ruộng đất thời phong kiến cho thấy có ba loại sở hữu: của Triều đình, ruộng công làng xã và ruộng tư. Khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, nhiều đất đai ở Nam Bộ và nơi khác đã bị chiếm để kinh doanh sản xuất lúa và cây công nghiệp.

3- Chế độ địa chủ phong kiến và chế độ thực dân đã bóc lột nông dân và công nhân nông nghiệp với hình thức chủ yếu là tô (tô chính, tô phụ), lương chết đói...

4- Những biến đổi của giai cấp nông dân và của giai cấp địa chủ từ trước Cách mạng Tháng Tám 1945 đến sau này. Sau 1945 nông dân Nam Bộ cũng như cả nước bắt đầu được hưởng thành quả chính sách ruộng đất của Đảng Cộng sản Việt Nam. Sau 1955 ruộng đất bị chính quyền Diệm giúp địa chủ giật lại, nhưng Đồng khởi 1960 nông dân giành lại chính quyền và ruộng đất.

Còn giai cấp địa chủ bị suy yếu nhiều từ sau Cách mạng Tháng Tám nhưng phải đến sau Đồng Khởi 1960 và trong kháng chiến chống Mỹ, giai cấp địa chủ đã đi đến suy sụp hẳn, một thực tế mà chính phía Mỹ cũng phải thừa nhận.

Để minh họa rõ nét sự biến đổi của giai cấp nông dân và sự suy sụp của giai cấp địa chủ, chúng tôi đề nghị tham khảo kết quả điều tra nông thôn ở 4 xã giải phóng Tây Nam Bộ vào năm 1969.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lâm Quang Huyền: *Vấn đề ruộng đất ở Việt Nam*, Nxb KHXH, H.2007
2. Lâm Quang Huyền: *Cách mạng ruộng đất ở miền Nam Việt Nam* Nxb KHXH, H.1997
3. Lâm Quang Huyền: *Nông nghiệp nông thôn Nam Bộ hướng tới thế kỷ 21*, Nxb KHXH, H.2002
4. Đặng Phong: *kinh tế miền Nam Việt Nam thời kỳ 1955-1975*, Nxb KHXH, H.2004.
5. *Bốn xã giải phóng Tây Nam Bộ* điều tra năm 1969 là:
 - *Xã Ninh Quới*, huyện Phước Long, tỉnh Sóc Trăng.
 - *Xã Hiếu Thành*, huyện Vũng Liêm, tỉnh Trà Vinh.
 - *Xã Đông Hưng*, huyện An Biên, tỉnh Rạch Giá.
 - *Xã Trần Hợi*, huyện Mười Tề, tỉnh Cà Mau.

CHANGES OF THE PEASANT CLASS AND RELATIONSHIP BETWEEN LANDLORD – PEASANT IN THE SOUTH IN MODERN TIME

Professor LAM, Quang Huyen

Institute of Social Sciences of the South Area

INTRODUCTION

The South includes South-East and South-West (Mekong Delta) with a total natural surface of 85,000 km² (South-East = 45,000; South-West = 40,000).

South-East: Considered as the most dynamic area of the whole nation, having many socio-economic resources favorable for development. On 10/01/1999, at the Congress of National Plan Implementation in 1999, Prime Minister Phan Van Khai insisted that each step of development of the South-East has a strong action on the whole nation. The East constitutes the motive force of the process of industrialization and modernization. According to the Prime Minister, the South has the following number one:

- The greatest economic center: industrial production up to 52%, exportation up to 57.2%
- The greatest income: total income is 42,000 billion equal to 53% of the whole nation, the budget is mainly regulated by this resource (35,000 billion).
- The best infrastructure:
- The most advanced economy: at least 10 years in advance, the average industrial rate of the whole country is 20%, while 80% comes from the East.
- The largest specialized agricultural area: the South-East has the surface of long-term industrial plantations (rubber, pepper, coffee, etc.) and short-term plantations (sugar canes, flowers, vegetables, etc.) up to 400,000 ha (32% of the total industrial plantations of the whole nation)

Mekong Delta

This is the key agricultural area of the whole nation, its greatest resource involves agricultural production, contributing more than 50% of the national agricultural production and the most part for exportation. Mekong Delta constitutes the largest territory in Vietnam and also 1 of the 10 largest territory in South-East Asia.

The strengths of Mekong Delta include: (1) water rice, (2) aquaculture, (3) fruit trees, (4) cattle and poultry, and (5) exported subsidiary crops.

PART I: LANDLORD-PEASANT RELATIONSHIP DURING FEODALISM

After 1,000 years of Chinese Colonization, in the time of Centralized Feudalism (10th Century – 11th Century; Pre-Le and Ly dynasties), a population of about 3 million went over Ngang Mountain Pass to expand to the South. The system of land possession gradually became organized according to strict regulations and laws and ordered system of commune-village administration.

According to the history, King Le Dai Hanh (980 – 1005) was the first king who organized the ceremony of Land Celebration, encouraging wild land exploitation, water canalization, making roads, developing the intensive cultivation of agriculture and having respect for the land.

The system of land possession from the Centralized Feudalism to the Pre-Revolution of August 1945 (almost 1,000 years) could be summarized into 3 forms:

- The system of public land owned by the feudal government
- The system of public land owned by the commune-village
- The system of private land

- The system of public land owned by the feudal government: Originating from many sources, mostly the areas making the national budget and owned by the king, reserved for public activities such as rewarding, festivals, public constructions, social development and funds, national defense, etc.

- The system of public land owned by the commune-village: of early origin, it is also public but managed by the commune-village, the authorities collect and apportion taxes for the government. Since 1837, the system of public land had been applied in the South.

- The system of private land: The rich landlords owned the biggest areas, the middle and small landlords owned average areas, and the peasants owned small areas. In the 18th Century, the acquisition and centralization of land in the lands of landlords became common and more and more severe, especially in the South.

Since French Colonization (mid 19th Century), the French colonials became new landlords, participating into the acquisition of land according to the colonization - capitalism system based on the feudal possessive system.

Of one million ha of land that French colonials occupied, almost 1/3 consisted of rice paddy fields (mainly in Mekong Delta), the rest being the agricultural areas for industrial trees.

PART 2: EXPLOITATION OF PEASANTS BY LANDLORDS – FRENCH COLONIALS

Vietnamese landlords did not participate into the labour, but lived and enriched by exploiting the labour of the peasants under many forms: land rent, loan interest and employment of labourers. Land rent constituted the specific characteristic of the feudal system, and loan interest was also very common.

- The most common type of land rent was substantial. A small number of landlords collected their land rent in cash. In addition to the main land rent, the secondary land rent was under the presents offered to the landlords and unpaid labour during specific ceremonies or festivities.

- Loan interest: the most common throat-cutting loan forms involved the loans by rice or cash, or premature crop selling. The interest was commonly 100%, and if not paid in term, house and land mortgage would be confiscated.

- Labourer exploitation: this was the most common exploitation managed by middle and small landlords, involving: annual, monthly, season and daily salaries. Strong labourers would work for the whole year. The landlords also employed women and children to keep the cattle, water the field, cut grass, carry manure.... during a whole year. The relationship between the proletarian peasant and the landlord was not only the relationship between the work buyer and the seller, but in many situations, it was also the dependent relationship between the landlord and the peasant, or the creditor and debtor.

Land rent fees in Feudalism and French Colonization was very high and heavy for the peasants, up to over ½ of the crops. The rate of the taxes applied in the South was so heavy that it pauperized these peasants, forced the concentration of lands so that the social class of big landlords quickly formed.

After paying the land rent, ½ of the crops, though the peasants got the rest, it was insufficient for them to pay all the production fees as well as other auxiliary rents and contributions to landlords.

This heavy feudal exploitation did not help the peasants to save money to invest their production or even to get back their force, being mal nourished most of the time. Whereas Vietnamese landlords and French colonials did not care about the production development. And thus, the lands became eroded leading to decreased production (1.2 tons/ 1 ha / year – before the Revolution of August 1945).

According to the reports made by the Department of Agricultural Credit - South Government in 1959, the land distribution in Mekong Delta before 1939 was the following:

Land distribution in Mekong Delta before 1939

Possession Scale	Owners (persons)	Possessed surface (ha)
------------------	---------------------	---------------------------

0 – 1ha	85,933	42,986
1 – 5ha	97,060	194,120
5-10ha	37,616	263,312
10-50ha	28,141	562,820
50-100ha	3,613	253,910
100-500ha	2,449	489,800
> 500ha	244	244,000

Source: Report of the Director of Agricultural Credit (09/10/1959)

Thus, the landlords who owned more than 100ha in the South-West occupied up to 733,800ha, of which 430 French colonials occupied 245,000ha of plantations, the rest 71.7% peasants occupied only 12.5% cultivated surface, mostly small fields of under 5ha, 2 of every 3 families did not have any rice-field. The common land rent was 50% of the crops.

A French researcher, Yves Henry, in his “Indochinese Agricultural Economy” (1930), gave the following calculations relating to the income of peasants and landlords.

- Landlord (middle owner of 20ha)

Value	400 VND/ha x20	VND 8,000
Land rent	40 bushels/ha x 20 x 1 VND/1 bushel	VND 800
Minus land tax	2.4 VND/ha x20	VND 48
<u>Income</u>		<u>VND 752</u>

- Peasant (5ha)

Crop	80 bushels/ha x 5ha	VND 400
Minus land rent	200 bushels	VND 200
Production fees		VND 130
Income		VND 70
Nourishment (or 11 bushels/person/year)		VND 50
<u>Expenses</u>		<u>VND 20</u>

- Exploitation by French colonials

Of the one million of ha occupied by French colonials, almost 1/3 consisted of paddy fields. Exploiting these fields, French colonials applied the feudal exploitative system of renting land and setting land rent. They usually employed Vietnamese supervisors to facilitate their exploitation of Vietnamese labourers. In addition to the main land rent in form of goods in nature, the peasants had to offer secondary ones to these supervisors and French colonials as presents for various celebrations as Christmas, New Year Festival and even Tet. The presents were in the forms of high-grade candies, cigars, alcohol ordered by the supervisors...

In the plantations of industrial trees, mainly rubber trees, coffee and tea, the colonials applied another type of exploitation: they directly supervised and employed labourers.

Because these plantations were situated in the new, large but deserted lands in the South and South Centre, the colonials had to recruit “slaves” from the North and North-Centre.

French colonials organized various organizations to recruit “slaves” supported by their administrative system. This was like buying and selling slaves. From 1927 to 1928, these organizations got VND 15 / “slave” (= 2 quintals of rice). By the end of 1929, the number of “slaves” was up to 80,000.

The salary of the labourers working in the plantations was very cheap. Daily salary was only VND 0.3 – 0.4, moreover, part of it was pocketed by the supervisors so that finally the labourer got only VND 0.2. A day of work lasted 14 to 16 hours.

Toxic climate, low income, malnourishment in addition to maltreatment and abuse caused many deaths among these labourers before the end of their contracts. This situation was reflected by the contemporary quote: “Easy to go to rubber plantation, difficult to go back home”. In 1927, according to the investigations made by French colonial government in some rubber plantations, in average there were 474 dead persons/ 1,000 labourers of more than 40,000 labourers coming from the North and the Center and working in the plantations the percentage of dead persons in some places could be up to 26%, or even 40% - 50%.

In reality, the labourers in these French colonial plantations before the Revolution of August 1945 were not free workers. Their relationship with their buyers was more “slavery” than capitalism.

You rush to the red soil to become slaves

You sell your body to get some cents

Your bone and flesh will be buried under the rubber tree root

in many piles

(To Huu)

PART 3: CHANGES OF SOUTH PEASANT CLASS AND LANDLORD CLASS IN MODERN TIMES

A- CHANGES OF PEASANT CLASS

The peasants consisted of various social strata: proletarians, poor, middle, and rich peasant. Rich peasants could exploit labourers and loaned money/rice, however, they participated into the culture and production, thus, they were classified into the peasant class.

- Proletarians: consisted of peasants having no land or very small land (20.6% peasants occupying only 1.2% lands), and were employed as labourers for landlords.

- Poor peasants: consisted of peasants having small land, most of them were bankrupted middle peasants or having their lands occupied by richer landlords. They had to work for richer landlords like proletarians.

- Middle peasants: up to 32.9% and occupying 30.4% lands. This class consisted of peasants having enough land to earn their living. In normal conditions, they can live on their own fields; however, bad harvest made their lives difficult. With misfortunes in life, natural disasters, or oppression from feudal mandarins, they can get bankrupted, and became the preys for the richer landlords. They had to sell their land and became proletarians. Nevertheless, a small number of poor peasants could enrich and became middle peasants, while small landlords, rich peasants bankrupted could turn middle peasants.

- Rich peasants: were the richest among the peasants, they were up to 2.2% and occupied 7.1% land, in average the surface of land possessed by 1 rich peasant was 3 times of that possessed by 1 middle peasant, and 9 times of that of 1 poor peasant. Their land was commonly rich, near their home. Rich peasants not only exploited labourers but also participated into the cultivation.

Before the Revolution of August 1945, the class of peasants was up to 95% of Vietnamese population but occupied no more than 30% of land. Especially, the proletarians and the poor peasants were up to 60% but occupied only 10% of land. Whereas Vietnamese feudal landlords, French colonials, Catholic landlords and village authorities were up to only 5% of the population but occupied 70% of land; they exploited the peasants through land rent, loan interest and other auxiliary rents and services.

This unjust repartition of land between the rich and the poor caused many bloody rebellions in the South, for example that in Noc Nan field, Phong Thanh Commune, Gia Rai District, Bac Lieu Province. This movement was spontaneously organized by the peasants in order to protect their land possession on 28/01/1928.

The brothers of Family Muoi Chuc, children of Mr. Tam Luong, tenaciously fought against local landlords in collusion with administrators in order to keep their hectares of land. The fight took place in Noc Nan, between the brothers in Family Muoi Chuc and French/Vietnamese policemen, resulting in 4 deaths in Family Muoi Chuc, 1 death and many casualties among French/Vietnamese policemen. This event impressed Saigon opinion, South provinces and limited the land occupation made by landlords and colonials.

- Implementation of the new land system after the Revolution of August 1945

The Land Convention was elaborated by the Vietnamese Communist Party in 1930, but only after the success of the Revolution of August 1945, the revolutionary government could implement this system.

After the Revolution, what was mostly done and entirely was the confiscation of land owned by French colonials and Vietnamese landlords to re-distribute to poor peasants.

In the South, as most of the great landlords moved to the areas governed by the enemy till 1954, the land was re-distributed to peasants up to 564,547ha for 527,163 persons.

The movement claiming for decrease in land rent rapidly expanded all over the South, where the class struggle between peasants and landlords became very violent long time ago. The decrease of land rent was successful: in the South-East to 20%, South Centre to 40% - 50%, South-West to 25% - 50%.

In the areas having redistribution of land and decrease of land rent, the quality of life of the peasants were clearly ameliorated, many proletarians became middle peasants.

The revolutionary government, step by step, implemented the land policy, in parallel with the policy of encouraging the peasants to exploit more land, develop canalization, encouraging agricultural expansion, decreasing loan interest, wiping off debts, delaying debt payment, abolishing poll-tax, applying just contribution. These policies, in association with the land policy, have significantly ameliorated the life of peasants, reinforce the association between peasants and workers, forming a strong motivation for the later anti-American resistance War.

Though the success of the land system that helped the peasants in the South in particular, and of Vietnam, in general, after the Revolution of August 1945, was recent, it had a significant meaning in terms of economy and policy in-depth, because this was the first time, after thousands of years of repression by feudal landlords, and one hundred years of colonial exploitation, most of proletarians and poor peasants became the owners of the land they worked on, and also the owners of the country side.

To illustrate this change in peasants and labourers status, thanks to the influence made by the land policy elaborated by Vietnam Communist Party since the Revolution of August 1945, references were constituted by the investigations made by the Department of Agriculture Encouragement of Central Committee in some communes liberated in the South-West in 1969.

- Before the Revolution of August 1945, the peasants in 4 communes were up to 96% of local families but occupied only 2,566.5ha, that is 13.5% of local lands, in 1969, the peasant families were up to 97.7% and occupied 16,339.8ha, that is 95.7% of local fields.

- In the South-East, in two districts, Ben Cat and Chau Thanh of Thu Dau Mot Province, the peasants owned 3,218.8ha, that is 90% of local fields.

- In the communes liberated in the South-West, before the Revolution of August 1945, there were 583 proletarian peasant families (8.2%), poor peasant families = 4,394 (64%), and middle peasant families = 1,686 (24.5%). In 1969, no more proletarian families, poor families were reduced to 1,102 (16.3%), middle peasant families were increased to 5,490 (81.3%), of which new middle peasant families upgraded from proletarians and poor

ones were 3,854 (57%). In the total 4 communes, middle peasants were up to 70% (the other 30% was ancient middle peasants).

- Life threshold in the 4 liberated communes in the South.
- Fulfilled family: 28.1%
- Sufficient: 58.2%
- Insufficient: 13.7%

As mentioned previously, thanks to the implementation of the new land distribution policy, in the South countryside, middle peasants became the largest community thanks to the proletarian and poor peasants upgraded to middle peasants.

B. DECADENCE OF LANDLORD CLASS

Before the Revolution of August 1945, in the countryside of Vietnam, the power and most of the land were in the hand of the landlords who exploited the labourers.

After the August Revolution, the policy of land occupation and feudal exploitation were more and more limited; lands owned by landlords and French colonials were confiscated and then re-distributed to proletarians and poor peasants. Ownerless lands were redistributed, lands of simple peasants were reduced land rent. The economic power and the political prestige of the landlord class began to weaken.

At the end of the War against the French colonials, the peasants in the South became the masters of ½ of the surface, most of the great landlords ran to the area governed by the French. In the region liberated only a small part stayed because they wanted peace or they liked the revolution.

After 1954, Ngo Dinh Diem government tried to restore the landlord class to support the Americans. Many landlords came back and were supported by the puppet Army and Government to get back their land and force the peasants to sign the hired hand contract, collect the rent, increase land rent, collect arrears. From 1955 to 1959, the economic power and the political prestige of the landlords were restored, though not entirely.

Dong Khoi Movement (1959-1960) in the South, lasting till the Liberation in 1975, fought back the landlords. The lands occupied after 1954 were returned to the peasants unpatriotic Vietnamese lands were confiscated and redistributed, ownerless lands were distributed provisionally, some normal landlords kept their land but had to reduce rent and donate paddy-fields.

Results of the investigations of 4 liberated communes in the South-West in 1959:

- Before the Revolution of August 1945, all the 4 communes had only 138 landlord families, up to 2% of total agricultural families, in 1969, only 12 families remained (0.17%).

The lands occupied by landlords were up to 15,685ha (82.5%), in 1969, only 88.3ha (0.4%). In average, 108.7ha/landlord family were reduced to 7.3ha in 1969.

Of the 4 investigated communes, only 2 had 12 landlord families. From 138 landlord families before 1945, remained only 12 landlord families, 3 changed to capitalist business families, 2 went down to rich peasant families, 14 to middle peasant families, and 119 peasant families disappeared.

In 1969, the 12 landlord families occupied only 88.3ha, but the production was reduced to 27ha with the rent of 10 bushels/ha. The rest of the lands was changed to 26ha of ponds to grow fish, 25ha of self-exploitation and employing labourers, 8ha lease to peasants, and 2.6ha uncultivated.

Results of the investigations made by Stanford Intitute of the USA and Social Science Research Institute - South Vietnam Government (SRI) in 3 including 24 areas of 27 provinces in the South from 1967 to 1968, exploring 273 landlord families, some peasants having land, peasants-labourers, and labourers, led to the following opinions:

“The plans of changing land system implemented by Viet Minh in 1946 and recently developed by Viet Cong have basically destroyed the power and the prestige of the landlords in the areas controlled by Viet Cong.”

“The abolition of the land possession of French colonials has erased the names of some great landlords in the South countryside.”

“The activities of Viet Cong associated with the abolition of land possession made by South Vietnam Government have eradicated the landlord presence in Mekong Delta, resulting in a deep change in the relationship between landlords and peasants, this old relationship is expected to be never returned.”

Of those 187 landlord families, going to Saigon and Long Xuyen Province and interviewed by SRI team, only 15% still got their land rent, 25% partially got land rent, and 60% could not or rarely could get their rent. Among them:

29% invested in business

15% invested in urban real-estate

6% got benefits from industrial investment

14% were professionals

13% were civil servants (still working or retired)

21% were supported by their offsprings, some still got rent from their 15ha of land (no one was rich, some were even poor).

Thus, 50% of the landlord family interviewed by the SRI team changed into business people, industry, 27% civil servants, and professionals. Most of the offsprings of the landlords did not have much land, except the land where they built their houses, and tended to become administrators, army officers, business, health care professionals, teachers, and lawyers.

The diversion and decadence of the landlord class was an inevitable social orientation in the revolutionary development process.

An important event was that Ho Chi Minh Chairman had praised some landlords who were eager to donate their lands to the revolution, such as:

In the North: Mr. and Mrs. Do Dinh Thien donated more than 2,000ha, Do Thuc Phach donated 600ha.

In the South: 300 landlords (mostly in the West) donated 24,500ha; according to the report, the total was 40,000ha. Another important event was that Chinese landlords also donated their lands as an expression of uniting Vietnamese and Chinese people and supporting the resistance. The movement of land donation in the South was initiated by the former Minister of Agriculture, Mr. Huynh Thien Loc, who was the pioneer.

CONCLUSION

The following are the main points:

It is necessary to assess the important role of the South in the past as well as at present in the development of the whole nation.

The land relationship in the past feudalism consisted of three types of possession: of the Court, paddy-fields of commune-village, and private paddy-fields. When French colonials invaded Vietnam, many lands in the South and other places were occupied for trading in the production of rice and industrial trees.

The system of feudalism-landlordism and colonialism exploited peasants, agricultural labourers under the forms of land rent (main and auxiliary), and starvation wages.

The changes of the peasant and landlord class from before the Revolution of August 1945 till later. After 1945 the proletarian and poor peasants benefited through the new system of land distribution elaborated by the Vietnamese Communist Party. After 1955, Ngo Dinh Diem Government got back the land for the landlords, but Dong Khoi Movement in 1960 helped the peasants to get back their lands and power.

Though the landlord class was weakened from the Revolution of August 1945, it lasted till Dong Khoi Movement in 1960 and during the anti-American resistance war, only then it could be abolished, as recognized by the American Government.

To illustrate clearly these changes of the peasant class and the decadence of the landlord class, we suggest to refer to the results of the investigations of the 4 liberated South-West communes made in 1969.

REFERENCES

Lam Q.H.: The issues of land in Vietnam; Social Sciences Publishers; 2007

Lam Q.H.: The Revolution of Land in Vietnam; Social Sciences Publishers; 1997

Lam Q.H.: Agriculture in the southern countryside towards 21st Century; Social Sciences Publishers; 2002

Dang P.: Economy of South Vietnam 1955-1975; Social Sciences Publishers; 2004

The 4 liberated South-West communes investigated in 1969 were:

Ninh Quoi Commune, Phuoc Long District, Soc Trang province

Hieu Thanh Commune, Vung Liem District, Tra Vinh Province

Dong Hung Commune, An Bien District, Rach Gia Province

Tran Hoi Commune, Muoi Te District, Ca Mau Province.